

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - VĨNH LONG**
Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-12-2025
V/v Ly hôn và tranh chấp
đòi lại tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Nhân.

Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư – Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về “*Ly hôn và tranh chấp đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thúy H, sinh ngày: 02-9-2001; địa chỉ: ấp L, xã N, tỉnh Vĩnh Long (*Có mặt*).

2. *Bị đơn:* Anh Dương Trường D, sinh ngày: 16-10-1997; địa chỉ: ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-10-2025, bản tự khai ngày 17-11-2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thúy H trình bày:

Chị và anh Dương Trường D đi đến hôn nhân do tự quen nhau, được cha mẹ hai bên chấp nhận, làm lễ cưới năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C (cũ) vào ngày 05-12-2022. Nữ trang ngày cưới có 10 chỉ vàng 24K, khi về nhà chồng là toàn bộ vàng cưới do bên chồng cất giữ, sau đó anh D tự ý bán vàng cưới làm ăn. Sau ngày cưới, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi mọi việc trong cuộc sống chung, trong việc đi lại, trong công việc, chị đã đi khỏi nhà chồng 02 lần, lần đầu sau khi đi chị có quay trở về đoàn tụ với anh D, nhưng cuộc sống chung vẫn không hạnh phúc, nên chị tiếp tục rời đi lần hai và sống ly thân với anh D từ tháng

7 năm 2025 đến nay mà không thể nào hàn gắn lại. Nay chị xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh D.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị xác định chị và anh D không có con chung; không tranh chấp tài sản chung; không nợ ai, cũng không ai nợ chung của chị với anh D.

Ngoài ra, khi chị về làm dâu nhà chồng, anh D có hỏi mượn tiền riêng của chị hai lần (Lần 1 mượn 20.000.000 đồng để tiêu sài cá nhân; Lần 2 mượn 7.000.000 đồng thì nâng bằng lái xe ô tô); Sau đó, anh D còn tự ý lấy đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K của chị bán lấy tiền tiêu sài cá nhân mà chị không hay biết (Anh Duy bán vàng sau khi chị đi khỏi nhà chồng, đôi bông tai này đầu tiên là vàng cưới nhưng sau khi về nhà chồng chị đã đưa cho anh D một khoản tiền riêng của chị bằng trị giá đôi bông tai để chị xin giữ lại đôi bông tai, mà sau này vẫn bị anh D bán mất chị không hay biết). Khi ly hôn, chị yêu cầu anh D phải trả lại cho chị tổng số tiền 27.000.000 đồng và đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K (tính tương đương bằng tiền 10.000.000 đồng).

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Dương Trường D trình bày:

Anh với chị Phạm Thúy H đi đến hôn nhân do tự quen nhau, cưới năm 2022, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C (cũ). Nữ trang cưới có 10 chỉ vàng 24K (trong này có đôi bông tai 01 chỉ 24K) và cặp nhẫn cưới vàng 18K, quá trình chung sống đã bán hết để sử dụng làm ăn nên hiện không còn. Sau ngày cưới, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do chị H có mâu thuẫn với cha mẹ của anh, cha mẹ anh dạy dỗ thì không nghe, rồi xảy ra cự cãi, chị H bỏ nhà chồng đi hai lần, đi lần đầu sau đó vợ chồng hàn gắn chị H quay về, tiếp tục đi lần hai cách nay hơn hai tháng và vợ chồng anh đã sống ly thân đến nay, có cố gắng hàn gắn nữa mà không được. Nay chị H cương quyết xin ly hôn, anh thấy vợ chồng rất khó hàn gắn lại, nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Anh và chị H không có con chung, không tranh chấp tài sản chung, không nợ ai, cũng không ai nợ anh chị, nên anh không ý kiến Tòa án giải quyết.

Việc chị H yêu cầu anh trả lại 27.000.000 đồng và đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K thì anh ý kiến: Sau khi cưới, anh có lấy của chị H số tiền lần đầu 20.000.000 đồng để hùn với bạn bè mua xe ô tô 07 chỗ, lần sau lấy thêm 7.000.000 đồng để anh thi nâng bằng lái xe ô tô, hai lần này tự nguyện chị H đưa tiền, chứ anh không ép buộc. Còn anh bán đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K lúc chị H đi khỏi nhà chồng lần đầu, anh không nói chị H biết vì lịch sự, anh vẫn nói còn giữ đôi bông tai vì định khi nào có tiền mua lại cho chị H nhưng đến nay chưa mua. Quá trình khi anh chạy xe ô tô 07 chỗ xảy ra tai nạn tại cầu C, tốn kém rất nhiều chi phí sửa chữa xe đến 110.000.000 đồng (Xe lúc mới mua giá 510.000.000 đồng) và anh còn phải bồi thường thiệt hại các khoản khác, nên sau đó anh với chị H đã đồng ý ký giấy bán xe cho người khác giá 400.000.000 đồng. Do xe này hùn mua với người khác, phần tiền mua xe của vợ chồng anh góp phân nửa (Trong này có tiền bán hết vàng nữ trang cưới) nhưng mọi người đồng ý để anh đứng tên xe ô tô biển số 84A - 105.69. Sau khi bán xe, phần tiền của vợ chồng anh khoảng 200.000.000 đồng đã dùng hết để trả nợ còn chưa đủ, trong đó có món nợ

Ngân hàng do trước đây nhờ cha ruột của anh vay dùm 170.000.000 đồng để góp mua xe ô tô nên anh phải đưa tiền lại cho cha anh đem trả nợ Ngân hàng. Việc anh lấy tiền 27.000.000 đồng và đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K của chị H để sử dụng làm ăn chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng, chị H biết và đồng ý, nên nay anh không đồng ý trả lại tiền, vàng cho chị H. Anh không yêu cầu phản tố, mà phản bác yêu cầu đòi lại tài sản của chị H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt giữ nguyên yêu cầu ly hôn và đòi lại tài sản tổng cộng bằng số tiền 37.000.000 đồng; Bị đơn thuận tình ly hôn, chỉ đồng ý trả lại tài sản là số tiền 7.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền 20.000.000 đồng và đôi bông tai bằng số tiền 10.000.000 đồng. Các đương sự không nộp thêm tài liệu, chứng cứ, không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Hai đương sự thống nhất xác định số tiền 27.000.000 đồng tranh chấp là tiền riêng của chị H có trong tài khoản ATM của chị trước khi kết hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 105, 164, 166, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 19, 44, 51, 54, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 3 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về hôn nhân: Đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thúy H với anh Dương Trường D. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do chị H và anh D thống nhất xác định không có con chung, không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung phải thu, phải trả, nên không xem xét. Về tranh chấp đòi lại tài sản: Buộc anh D phải giao trả lại tài sản cho chị H gồm số tiền 27.000.000 đồng và tiền trị giá đôi bông tai bằng 10.000.000 đồng. Trường hợp anh D chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngoài ra, V đề nghị các đương sự có nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long nhận định:

[1] *Về hôn nhân:*

Chị Phạm Thúy H và anh Dương Trường D xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh (cũ) vào ngày 05-12-2022, nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn (Theo chị H xác định khoảng 01 năm; Theo anh D xác định khoảng 02 năm), do những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, trong mối quan hệ với người thân hai bên gia đình, dẫn đến anh chị thường hay cự cãi, không còn quan tâm, chăm sóc, tin tưởng lẫn nhau, tự sống ly thân nhau mà không hàn gắn lại được.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...*”, nhưng chị H và anh D đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, anh chị mỗi người mỗi việc, sống riêng, không còn quan tâm, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

Tòa án cũng đã mời hòa giải nhiều lần để anh chị gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng tại Tòa anh chị đều ý kiến thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ nữa vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn lại.

Thấy rằng đời sống chung của vợ chồng chị H, anh D đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Việc anh chị thuận tình ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 3 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên công nhận.

[2] *Về con chung:* Chị Phạm Thúy H và anh Dương Trường D thống nhất xác định không có con chung.

[3] *Về tài sản chung:* Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng chị H và anh D cùng thống nhất xác định không tranh chấp, không khởi kiện, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Do chị H và anh D cùng thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ chung của anh chị, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] *Xét phân yêu cầu đòi lại số tiền 27.000.000 đồng và đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K (Chị H tự nguyện tính giá trị bằng 10.000.000 đồng):*

Theo Điều 6 và Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định nghĩa vụ chứng minh là nghĩa vụ của các bên đương sự. Để chứng minh cho yêu cầu, chị H có nộp cho Tòa án ảnh chụp màn hình điện thoại di động nhiều tin nhắn được chị H và anh D xác nhận là tin nhắn qua lại giữa hai người (Bút lục số 32, 33 trong hồ sơ vụ án, một đoạn nội dung khi chị H nhắn hỏi *Bây giờ số tiền anh mượn em như nào? Anh trả trước hông*

hay em đem lên Tòa giải quyết thì anh D nhấn trả lời *Anh ký là anh trả em liền ... Tổng cộng 27 triệu không thiếu 1 ngàn*); Đồng thời, qua các lần Tòa án mời làm việc, tại các biên bản hòa giải, đối chất, xét chứng cứ, anh D đều xác nhận có nhận số tiền này do chị H đưa và anh có tự lấy đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K của chị H đem bán mà không có ý kiến của chị H. Mặc dù anh D nêu lý do chị H tự nguyện đưa tiền anh 02 lần bằng 27.000.000 đồng, anh không ép buộc, nhưng anh đã xác nhận số tiền này trong tài khoản ATM cá nhân của chị H có trước khi về làm vợ anh, chị H không làm văn bản gì nhập số tiền này vào tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với anh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Hôn nhân gia đình “*Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn...*”; nên số tiền 27.000.000 đồng được xác định là tài sản riêng của chị H.

Anh Duy có nộp cho Tòa án nhiều chứng cứ mà anh cho rằng số tiền chị H đưa anh thì anh đã dùng vào việc góp mua xe ô tô 07 chỗ và khi xe xảy ra tai nạn phải tốn kém nhiều chi phí sửa chữa, bồi thường thiệt hại. Nhưng việc xe xảy ra tai nạn, phải bồi thường thiệt hại và sửa chữa xe là trách nhiệm cá nhân của anh, không liên quan chị H. Quá trình đối chất tại Tòa, anh D xác nhận từ sau khi mua xe ô tô về anh là người trực tiếp quản lý xe mà không giao xe cho chị H, những lần xe chạy dịch vụ thu lợi cho đến lúc thua lỗ bán xe, anh chưa chia bất cứ khoản tiền nào cho chị H. Anh D tự ý chiếm giữ tài sản chung của vợ chồng, nên anh tự chịu trách nhiệm rủi ro phát sinh từ việc chiếm giữ tài sản. Các chứng cứ anh nộp chỉ thể hiện việc anh chưa trả được tiền cho chị H, chứ không cơ sở chứng minh việc anh không phải trả tiền lại cho chị H. Sau khi kết hôn, khoảng thời gian thanh xuân của người con gái, chị H đã chung sống bên anh D, đến lúc rời khỏi nhà chồng, xin ly hôn với anh D, chị H cũng không khởi kiện yêu cầu chia bất kỳ tài sản chung nào với anh D. Chị H không quản lý, không hưởng lợi từ tài sản chung, không yêu cầu về tài sản, nên chị H không chịu trách nhiệm rủi ro phát sinh từ tài sản chung. Chị H chỉ kiện đòi lại lấy tiền là tài sản riêng của chị có trước khi kết hôn. Anh D1 đã xác nhận nợ số tiền 27.000.000 đồng của chị H, anh đã nhấn tin xác nhận, hứa hẹn trả, nên anh phải có trách nhiệm trả lại số tiền này cho chị H.

Đối với đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K được tặng cho trong ngày cưới, theo phong tục tập quán địa phương đây là duyên của người con gái khi lấy chồng, nên được xác định là tài sản riêng của chị H. Anh D1 đã tự ý bán đôi bông tai khi không có sự đồng ý của chị H, nên anh phải có trách nhiệm trả tài sản này cho chị H. Tuy nhiên, quá trình làm việc, chị H xác định chỉ đòi anh D1 trả tương đương bằng số tiền 10.000.000 đồng. Đây là ý chí tự nguyện của chị H, so với giá vàng 24K thị trường thời điểm hiện nay thì yêu cầu trả bằng số tiền này là có lợi cho anh D1, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03-4-2012 của Chính phủ về việc sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán là hành vi vi phạm pháp luật. Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu đòi lại tài sản của chị H là có cơ sở chấp nhận; Buộc anh D1 phải có trách nhiệm trả tài sản cho chị H bằng tổng số tiền là 37.000.000 đồng.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Do chị H và anh D1 tự nguyện thuận tình ly hôn, nên anh chị chỉ phải chịu 50% mức án phí hôn nhân sơ thẩm quy định đối với yêu cầu ly hôn

(mỗi bên phải chịu 25% mức án phí 300.000 đồng). Đối với yêu cầu đòi lại tài sản của chị H được chấp nhận, nên chị không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại phần tiền tạm ứng án phí đã đóng; Anh D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% trên tổng số tiền phải trả cho chị H.

[7] Xét quan điểm của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 105, 164, 166, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 19, 43, 44, 51, 54, 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 3 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; các Điều 26, 27, Tiểu mục 1.1 và điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Mục 11 Phần IV về tố tụng dân sự Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02-8-2021 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp một số vướng mắc trong xét xử.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thúy H và anh Dương Trường D tự nguyện thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị Phạm Thúy H và anh Dương Trường D không có con chung, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thúy H và anh Dương Trường D thống nhất xác định chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, không khởi kiện, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Phạm Thúy H và anh Dương Trường D thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ chung của anh chị, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về tranh chấp đòi lại tài sản: Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện này của chị Phạm Thúy H.

Buộc anh Dương Trường D phải trả lại tài sản cho chị Phạm Thúy H tổng cộng bằng số tiền là **37.000.000đ** (Ba mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí sơ thẩm:

Chị Phạm Thúy H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.330.000đ (Một triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0005674 ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Hoàn trả lại cho chị H 1.225.000đ (Một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Anh Dương Trường D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 1.850.000đ (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- VKSND khu vực 11 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 11 - Vĩnh Long;
- UBND xã Càng Long;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo